



# BẢN TIN PHÁP LUẬT

## THÁNG 07/2022



NTB  
LEGAL



72C Nguyễn Khang, Yên  
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội



024.2322.5888  
0943.996.589



<http://ntblegal.vn/>

## NỘI DUNG

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC.....	1
1. Tổng hợp điểm mới về tác giả, đồng tác giả và quyền tác giả .....	1
2. Toàn bộ trường hợp được đặc cách xét tốt nghiệp THPT 2022 .....	2
3. Chính sách mới với công chức có hiệu lực từ tháng 7/2022 .....	3
4. Tăng thời gian học thực hành lái xe ô tô trên đường.....	5
5. Cấp hộ chiếu phổ thông mẫu mới cho công dân Việt Nam.....	6
6. Nghị quyết 18-NQ/TW: Bỏ khung giá đất, đánh thuế cao người có nhiều nhà đất	6
7. 04 chính sách mới về thương mại có hiệu lực từ tháng 7/2022.....	7
GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT .....	10
1. Bản cáo bạch là gì? Quy định về nội dung bản cáo bạch.....	10
2. Khi nào Tòa án hoãn phiên tòa Hình sự? .....	11
4. Quyền sử dụng đất có được dùng để góp vốn vào doanh nghiệp? .....	13
5. Hành vi hiếp dâm của hai nghệ sĩ người Việt có thể bị xử lý như thế nào?.....	15
6. Bảo lãnh người khác vay vốn thì có phải trả nợ thay không? .....	16
7. Làm việc tại nhiều công ty thì đóng BHXH, BHTN, BHYT thế nào?.....	17
THỦ TỤC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH.....	19
VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 7/2022 .....	21

## CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC

### 1. Tổng hợp điểm mới về tác giả, đồng tác giả và quyền tác giả

Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 có nhiều điểm mới nổi bật. Trong đó, phải kể đến điểm mới về tác giả, đồng tác giả và quyền tác giả.



#### 1. Tác giả, đồng tác giả

Căn cứ Điều 12a Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi bởi Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022) quy định về tác giả, đồng tác giả như sau:

- Tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm.

(So với Nghị định 22/2018/NĐ-CP, quy định không còn quy định tác giả là người tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm)

Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả.

(So với hiện hành tại Nghị định 22/2018/NĐ-CP, quy định đồng tác giả là những tác giả cùng trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học)

- Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả.

- Việc thực hiện quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm có đồng tác giả phải có sự thỏa thuận của các đồng tác giả, trừ trường hợp tác phẩm có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến

phần của các đồng tác giả khác hoặc luật khác có quy định khác. (Điểm mới)

Như quy định nêu trên, người tạo ra một phần tác phẩm được xem là đồng tác giả.

#### 2. Quyền nhân thân của tác giả, đồng tác giả

Tại Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi bởi Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022) quy định quyền nhân thân của tác giả, đồng tác giả như sau:

- Đặt tên cho tác phẩm.

Tác giả có quyền chuyển quyền sử dụng quyền đặt tên tác phẩm cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao quyền tài sản quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005; (Điểm mới)

- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

- Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

#### 3. Quyền tài sản của tác giả, đồng tác giả

Quyền tài sản của tác giả, đồng tác giả được quy định tại Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi bởi Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022) như sau:

- Quyền tài sản bao gồm:

+ Làm tác phẩm phái sinh;

+ Biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm;

+ Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005;

+ Phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005;

+ Phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp tác phẩm đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn;

+ Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính, trừ trường hợp chương trình máy tính đó không phải là đối tượng chính của việc cho thuê.

- Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện theo quy định Luật Sở hữu trí tuệ 2005.

Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại

khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và khoản 3 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 phải được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả và trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác (nếu có) cho chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, các điều 25, 25a, 26, 32 và 33 Luật Sở hữu trí tuệ 2005. Trường hợp làm tác phẩm phái sinh mà ảnh hưởng đến quyền nhân thân quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 còn phải được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

- Chủ sở hữu quyền tác giả không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hành vi sau đây:

+ Sao chép tác phẩm chỉ để thực hiện các quyền khác theo quy định Luật Sở hữu trí tuệ 2005; sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp tác phẩm, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại;

+ Phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối.

## 2. Toàn bộ trường hợp được đặc cách xét tốt nghiệp THPT 2022

(1) Thí sinh thuộc diện ca bệnh xác định (F0) đang được theo dõi, điều trị nội trú tại cơ sở y tế hoặc cách ly điều trị tại nhà hoặc nơi lưu trú, không thể dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022:

Được xem xét đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2022.

Để được đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT, thí sinh thuộc đối tượng nêu trên phải có giấy xác nhận F0 do cơ quan có thẩm quyền cấp:





- Đối với ca bệnh đang được theo dõi, điều trị nội trú tại cơ sở y tế do cơ sở y tế trực tiếp theo dõi điều trị xác nhận;

- Đối với ca bệnh đang cách ly điều trị tại nhà hoặc nơi lưu trú do Trưởng Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của xã, phường, thị trấn xác nhận.

(2) Thí sinh bị tai nạn, bị ốm, có việc đột xuất đặc biệt trước ngày thi không quá 10 ngày hoặc ngay trong buổi thi đầu tiên, không thể dự thi. Điều kiện là thí sinh phải xếp loại học lực và hạnh kiểm cả năm lớp 12 đạt từ khá trở lên.

(3) Thí sinh bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt sau khi đã thi ít nhất 01 bài thi và không thể tiếp tục dự thi hoặc sau khi bị tai nạn,

bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt tự nguyện dự thi số bài thi còn lại nếu:

Điểm của các bài đã thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT đều đạt từ 5,0 điểm trở lên;

Xếp loại ở lớp 12: Học lực từ trung bình trở lên, hạnh kiểm từ khá trở lên.

(4) Là vận động viên đủ điều kiện được xét đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Điều 5 Nghị định 36/2019/NĐ-CP.

Cụ thể, vận động viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thi đấu thể thao quốc gia hoặc quốc tế được xét đặc cách tốt nghiệp THPT nếu thời gian thi trùng với thời gian vận động viên tập huấn ở nước ngoài hoặc tham dự thi đấu tại các giải thể thao quốc tế.

### 3. Chính sách mới với công chức có hiệu lực từ tháng 7/2022

#### 1. Bổ chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đối với công chức kế toán, thuế, hải quan và dự trữ

Bộ Tài chính ban hành Thông tư 29/2022/TT-BTC quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên ngành, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ (có hiệu lực từ ngày 18/7/2022)



Theo đó, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của ngạch công chức ngành kế toán, thuế, hải quan không còn quy định về chứng chỉ ngoại ngữ và tin học nữa, cụ thể như sau:

- Đối với công chức chuyên ngành kế toán:  
+ Không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đối với vị trí kế toán cao cấp, kế toán chính,

kế toán viên và không yêu cầu chứng chỉ tin học đối với vị trí kế toán trung cấp.

+ Bằng cao cấp lý luận chính trị có thể thay thế chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức tại vị trí kế toán cao cấp và kế toán chính.

- Đối với công chức chuyên ngành thuế:

+ Không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đối với vị trí kiểm tra viên chính thuế, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên trung cấp thuế.

+ Vị trí kiểm tra viên chính thuế và kiểm tra viên thuế: bằng cao cấp lý luận chính trị-hành chính có thể thay thế chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức.

+ Vị trí kiểm tra viên trung cấp thuế loại bỏ yêu cầu chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế.

+ Vị trí nhân viên thuế thì loại bỏ yêu cầu về chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra nhân viên thuế.

- Đối với công chức chuyên ngành hải quan:

+ Không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đối với vị trí kiểm tra viên cao cấp hải quan, kiểm tra viên chính hải quan, kiểm tra viên hải quan, kiểm tra viên trung cấp hải quan.

+ Bỏ yêu cầu chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch nhân viên hải quan đối với vị trí nhân viên hải quan.

+ Bỏ yêu cầu chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan đối với vị trí kiểm tra viên trung cấp hải quan.

+ Bằng cao cấp lý luận chính trị-hành chính có thể thay thế chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ở vị trí kiểm tra viên cao cấp hải quan và kiểm tra viên chính hải quan.

- Đối với công chức chuyên ngành dự trữ:

+ Không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đối với vị trí kỹ thuật viên bảo quản chính, kỹ thuật viên bảo quản, kỹ thuật viên bảo quản trung cấp, thủ kho bảo quản.

+ Bỏ chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kỹ thuật viên bảo quản trung cấp đối với vị trí kỹ thuật viên bảo quản trung cấp.

+ Bỏ chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch thủ kho bảo quản đối với vị trí thủ kho bảo quản

+ Bỏ chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch nhân viên bảo vệ kho dự trữ đối với vị trí nhân viên bảo vệ kho dự trữ.

+ Bằng cao cấp lý luận chính trị-hành chính có thể thay thế chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ở vị trí kỹ thuật viên bảo quản chính.

## **2. Quy định về phương tiện và trang phục lực lượng Quản lý thị trường**

Đây là nội dung tại Nghị định 33/2022/NĐ-CP quy định một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường (có hiệu lực ngày 15/7/2022).

Phương tiện và trang phục của lực lượng Quản lý thị trường được quy định như sau:

- Phương tiện làm việc phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và xử lý vi

phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường gồm:

+ Xe ô tô chức danh theo quy định;

+ Xe ô tô phục vụ công tác chung;

+ Xe ô tô chuyên dùng: xe ô tô tải, xe ô tô bán tải, xe ô tô trên 16 chỗ ngồi, xe ô tô trang bị phòng thí nghiệm, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù; xe mô tô;

+ Xuồng cao tốc;

+ Máy bộ đàm, thiết bị đo, kiểm tra nhanh, thiết bị chuyên dùng, thiết bị công nghệ thông tin, điện tử, máy móc, thiết bị văn phòng và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khác theo yêu cầu công tác và theo quy định của pháp luật.

- Về trang phục thì bao gồm các nội dung sau:

+ Phù hiệu Quản lý thị trường, biểu tượng (lô-gô) của lực lượng Quản lý thị trường;

+ Cờ hiệu Quản lý thị trường;

+ Cấp hiệu Quản lý thị trường;

+ Biên hiệu Quản lý thị trường;

+ Trang phục Quản lý thị trường;

+ Mẫu, quy cách trang phục Quản lý thị trường;

+ Tiêu chuẩn, niên hạn cấp phát trang phục, biểu hiệu, cấp hiệu đối với công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp;

+ Kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện làm việc, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biểu hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường.

## **3. Hướng dẫn xếp lương ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ**

Theo Thông tư 29/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 18/7/2022 hướng dẫn về việc xếp lương các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ như sau:

- Ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế (mã số 06.036), kiểm tra viên cao cấp hải quan (mã số 08.049) được áp dụng hệ số lương công chức

loại A3, nhóm 1 (A3.1), từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

Ngạch kế toán viên cao cấp (mã số 06.029) được áp dụng hệ số lương công chức loại A3, nhóm 2 (A3.2), từ hệ số lương 5,75 đến hệ số lương 7,55;

- Ngạch kiểm tra viên chính thuế (mã số 06.037), kiểm tra viên chính hải quan (mã số 08.050), kỹ thuật viên bảo quản chính (mã số 19.220) được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm 1 (A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

Ngạch kế toán viên chính (mã số 06.030) được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm 2 (A2.2), từ hệ số lương 4,00 đến 6,38;

- Ngạch kế toán viên (mã số 06.031), kiểm tra viên thuế (mã số 06.038), kiểm tra viên hải quan (mã số 08.051), kỹ thuật viên bảo quản (mã số 19.221) được áp dụng hệ số lương công

chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Ngạch kế toán viên trung cấp (mã số 06.032), kiểm tra viên trung cấp thuế (mã số 06.039), kiểm tra viên trung cấp hải quan (mã số 08.052), kỹ thuật viên bảo quản trung cấp (mã số 19.222), thủ kho bảo quản (mã số 19.223) được áp dụng hệ số lương công chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89;

- Ngạch nhân viên hải quan (mã số 08.053), nhân viên thuế (mã số 06.040) được áp dụng hệ số lương công chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06;

- Ngạch Nhân viên bảo vệ kho dự trữ (mã số 19.224) được áp dụng hệ số lương công chức loại C, nhóm 1 (C1), từ hệ số lương 1,65 đến hệ số lương 3,63.

#### 4. Tăng thời gian học thực hành lái xe ô tô trên đường

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư 04/2022/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 12/2017/TT-BGTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Trong đó, điều chỉnh thời gian học thực hành lái xe ô tô trên sân tập lái và trên đường giao thông.

Cụ thể, khoản 7 Điều 1 Thông tư 04/2022/TT-BGTVT điều chỉnh thời gian học thực hành lái xe ô tô trong chương trình đào tạo lái xe ô tô như sau:

- Đối với hạng B1 (học xe số tự động):
  - + Giảm thời gian học thực hành trên sân tập lái từ 45 giờ xuống 41 giờ;
  - + Tăng thời gian học thực hành trên đường giao thông từ 20 giờ lên 24 giờ.
- Đối với hạng B1 (học xe số cơ khí), hạng B2:
  - + Giảm thời gian học thực hành trên sân tập lái từ 45 giờ xuống 41 giờ;
  - + Tăng thời gian học thực hành trên đường giao thông từ 36 giờ lên 40 giờ.

- Đối với hạng C:

- + Giảm thời gian học thực hành trên sân tập lái từ 46 giờ xuống 43 giờ;
- + Tăng thời gian học thực hành trên đường giao thông từ 45 giờ lên 48 giờ.



Ngoài ra, khoản 9 Điều 1 Thông tư 04/2022/TT-BGTVT còn cho phép cơ sở đào tạo kéo dài thời gian trang bị và sử dụng ca bin mô phỏng học lái xe để đào tạo lái xe ô tô đến ngày 31/12/2022

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: [ntblegal@gmail.com](mailto:ntblegal@gmail.com)

Website: <http://ntblegal.vn/>

(Hiện nay, khoản 12 Điều 2 Thông tư 01/2021/TT-BGTVT quy định cơ sở đào tạo

phải trang bị và sử dụng ca bin mô phỏng học lái xe để đào tạo lái xe ô tô từ ngày 01/7/2022.)

## 5. Cấp hộ chiếu phổ thông mẫu mới cho công dân Việt Nam

Từ nay đến ngày 1/7/2022, Bộ Công an chỉ cấp phát hộ chiếu phổ thông mẫu cũ cho công dân trong trường hợp cần thiết, cấp bách như có giấy tờ đi chữa bệnh hoặc có quyết định đi công tác hoặc có vé máy bay.



Nhằm triển khai Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, ngày 29/6/2021, Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 73/2021/TT-BCA quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.

Từ ngày 01/7/2022, Bộ Công an sẽ bắt đầu triển khai cấp hộ chiếu phổ thông mẫu mới cho công dân.

So với mẫu hiện hành, mẫu hộ chiếu phổ thông mới có nhiều cải tiến. Mẫu hộ chiếu mới được thiết kế công phu, trên mỗi trang là hình ảnh tiêu biểu phong cảnh, hình tượng về chủ quyền quốc gia, di sản văn hóa nổi tiếng của đất nước như: Vịnh Hạ Long, Kinh đô Huế, Đền Hùng, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Bến cảng Nhà Rồng, Cột cờ Lũng Cú, công Tò Vò - Đảo Lý Sơn..., góp phần khẳng định và quảng bá những hình ảnh Việt Nam ra thế giới, thể hiện được truyền thống, lịch sử, địa lý, văn hóa Việt Nam. Hơn nữa, mẫu hộ chiếu phổ thông mới đảm bảo các kỹ thuật bảo an, khó làm giả.

Vì vậy, từ nay đến ngày 1/7/2022, Bộ Công an chỉ cấp phát hộ chiếu phổ thông mẫu cũ cho công dân trong trường hợp cần thiết, cấp bách như có giấy tờ đi chữa bệnh, có quyết định đi công tác hoặc có vé máy bay...

Trường hợp chưa cần thiết, đề nghị người dân đến cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh nộp hồ sơ cấp hộ chiếu kể từ ngày 01/7/2022 để được nhận và sử dụng hộ chiếu phổ thông theo mẫu mới./.

## 6. Nghị quyết 18-NQ/TW: Bỏ khung giá đất, đánh thuế cao người có nhiều nhà đất

Nghị quyết 18-NQ/TW yêu cầu quy định mức thuế cao hơn với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhà, đầu cơ đất, đồng thời, bỏ khung giá đất.

Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2022 về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao".

Trong đó, đưa ra hàng loạt định hướng mới trong quản lý, sử dụng đất đai.

### 1. Bỏ khung giá đất

Để hoàn thiện cơ chế xác định giá đất, Nghị quyết Trung ương có nêu: Bỏ khung giá đất, có cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ xác định giá đất.





(Hiện hành, khung giá đất được quy định tại Nghị định 96/2019/NĐ-CP, là cơ sở để các địa phương ban hành bảng giá đất cho giai đoạn 2020-2024).

Trung ương xây dựng tiêu chí và quy trình kiểm tra, giám sát các địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá đất.

Đồng thời, có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên.

Bổ sung, hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch như: Công khai giá đất, bắt buộc giao dịch qua các sàn giao dịch, thanh toán qua ngân hàng, không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các vi phạm...

## 7. 04 chính sách mới về thương mại có hiệu lực từ tháng 7/2022

Từ tháng 7/2022, một số chính sách mới về thương mại như cập nhật C/O mẫu D điện tử, thông báo về phát hành tem điện tử rượu, thuốc lá,... bắt đầu có hiệu lực thi hành. Cụ thể, theo Điều 25 Nghị định 35/2022/NĐ-CP, hoạt động tạm trú, lưu trú trong khu công nghiệp được quy định như sau:

### 1. Cập nhật chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu D điện tử

Từ ngày 16/7/2022, Thông tư 10/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư 22/2016/TT-BCT thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định

## 2. Người có nhiều nhà đất sẽ bị đánh thuế cao

Tại Nghị quyết 18-NQ/TW, Trung ương cũng đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai.

Theo đó, chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương; nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch.

Rà soát chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp.

Quy định mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, đầu cơ đất, chậm sử dụng đất, bỏ đất hoang.

Có chính sách ưu đãi thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phù hợp với lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư; đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình người có công với cách mạng; những địa phương được quy hoạch sản xuất nhằm bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ các loại rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng...

Thương mại hàng hóa ASEAN bắt đầu có hiệu lực thi hành.

Theo đó, C/O mẫu D điện tử (mẫu mới) được ban hành kèm theo Thông tư 10/2022/TT-BCT.

Còn C/O mẫu D theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 19/2020/TT-BCT (mẫu cũ) được cấp đến hết ngày 31/10/2022 và được cơ quan hải quan chấp nhận trong thời hạn quy định tại Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2020/TT-BCT.

Như vậy, trong giai đoạn chuyển tiếp từ nay đến hết ngày 31/10/2022, cơ quan hải quan chấp nhận đồng thời C/O mẫu D mẫu cũ và C/O mẫu D mới.

Từ ngày 01/11/2022, cơ quan hải quan chỉ chấp nhận C/O mẫu D (mẫu mới).

Ngoài ra, Thông tư 10/2022/TT-BCT cũng hướng dẫn cụ thể về chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (tại Điều 12 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 10/2022/TT-BCT) sau thời gian thực hiện thí điểm theo Thông tư 22/2016/TT-BCT.

## 2. Quy định về xây dựng mới khu công nghiệp sinh thái

Đây là nội dung tại Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Cụ thể, Chính phủ khuyến khích đầu tư mới khu công nghiệp sinh thái thông qua quy hoạch xây dựng, thiết kế hợp lý các phân khu chức năng và định hướng thu hút các dự án đầu tư có ngành, nghề tương đồng để hỗ trợ thực hiện công nghiệp sinh thái.

Đồng thời, dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái:

+ Đăng ký ngành, nghề thu hút đầu tư vào khu công nghiệp;

+ Dự kiến mức phát thải cho từng ngành, nghề;

+ Dự kiến phương án công nghiệp sinh thái trong khu công nghiệp, phương án xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát đầu vào, đầu ra của khu công nghiệp về sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu và phương án thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng xung quanh tại hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;

+ Cam kết đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái quy định tại Điều 37 Nghị định 35/2022/NĐ-CP trong vòng 08 năm kể từ thời điểm khu công nghiệp được thành lập và xác định rõ lộ trình thực hiện.

- Được cấp có thẩm quyền quy định loại hình KCN sinh thái trong Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư để làm căn cứ kiểm tra, thanh tra, giám sát.

Nghị định 35/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/7/2022 thay thế Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018.



## 3. Nghị định hướng dẫn Pháp lệnh Quản lý thị trường có hiệu lực từ 15/7/2022

Nghị định 33/2022/NĐ-CP hướng dẫn Pháp lệnh Quản lý thị trường có hiệu lực từ ngày 15/7/2022 với một số nội dung nổi bật sau đây:

- Bổ sung người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành của lực lượng quản lý thị trường.

Đó là người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra được giao quyền cho cấp phó ban hành quyết định kiểm tra theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

(Nội dung này bổ sung để phù hợp với quy định tại Pháp lệnh Quản lý thị trường).

- Nghị định 33/2022/NĐ-CP không quy định cụ thể các ngạch công chức quản lý thị trường.

Thay vào đó, giao Bộ Công Thương quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ

và xếp lương đối với ngạch công chức Quản lý thị trường sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

#### **4. Thông báo phát hành tem điện tử rượu, thuốc lá**

Từ ngày 01/7/2022, Quyết định 568/QĐ-TCT về Quy trình Quản lý tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá sản xuất để tiêu thụ trong nước, có hiệu lực thi hành.

Trong đó, hướng dẫn thông báo phát hành tem điện tử rượu, thuốc lá sản xuất để tiêu thụ trong nước.

Cụ thể, Vụ Tài vụ - quản trị (Tổng cục Thuế) thực hiện:

- Nhập hợp đồng in TĐT vào Hệ thống Quản lý tem điện tử.

- Hệ thống hỗ trợ lập và in Thông báo phát hành TĐT mẫu 01/TB/TEM ban hành kèm theo

Phụ lục 3 Thông tư 23/2021/TT-BTC ngày 30/03/2021.

- Trình Phụ trách Bộ phận xem xét chấp nhận/không chấp nhận mẫu 01/TB/TEM.

- Phụ trách Bộ phận trình Thủ trưởng đơn vị xem xét chấp nhận/không chấp nhận 01/TB/TEM.

- Căn cứ kết quả phê duyệt chấp nhận mẫu 01/TB/TEM, công chức được phân công đưa mẫu 01/TB/TEM lên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế ngay trong ngày.

- Công khai các thông tin Thông báo phát hành TĐT lên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngay trong ngày.

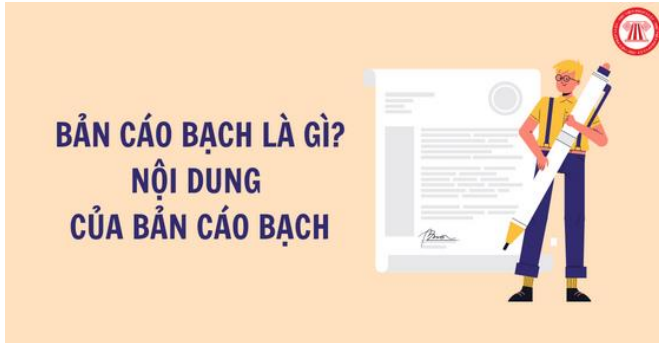
Bộ phận Tuyên truyền - Hỗ trợ của Cục Thuế, Chi cục Thuế thực hiện niêm yết, công khai Thông báo phát hành tem điện tử tại nơi bán tem điện tử.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

**1. Bản cáo bạch là gì? Quy định về nội dung bản cáo bạch****1. Bản cáo bạch là gì?**

Căn cứ khoản 23 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 giải thích bản cáo bạch như sau:

Bản cáo bạch là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.

**2. Nội dung bản cáo bạch**

*2.1. Bản cáo bạch đối với việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng*

- Thông tin tóm tắt về tổ chức phát hành bao gồm mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, tài sản, tình hình tài chính, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và cơ cấu cổ đông (nếu có);

- Thông tin về đợt chào bán và chứng khoán chào bán bao gồm: điều kiện chào bán, các yếu tố rủi ro, dự kiến kế hoạch lợi nhuận và nỗ lực của năm gần nhất sau khi phát hành chứng khoán, phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;

- Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất theo quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán 2019;

- Thông tin khác quy định trong mẫu Bản cáo bạch.

(khoản 1 Điều 19 Luật Chứng khoán 2019)

*2.2. Bản cáo bạch đối với việc chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng*

- Loại hình và quy mô quỹ đầu tư chứng khoán;

- Mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của quỹ đầu tư chứng khoán;

- Tóm tắt các nội dung cơ bản của dự thảo Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;

- Phương án phát hành chứng chỉ quỹ và các thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán;

- Thông tin tóm tắt về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và quy định về giao dịch với người có liên quan của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát;

- Thông tin khác quy định trong mẫu Bản cáo bạch.

(khoản 2 Điều 19 Luật Chứng khoán 2019)

*2.3. Chữ ký trong Bản cáo bạch*

- Đối với việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, Bản cáo bạch phải có chữ ký của những người sau đây:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty;

+ Tổng giám đốc (Giám đốc);

+ Giám đốc tài chính hoặc Kế toán trưởng của tổ chức phát hành;

+ Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chính (nếu có).

(Trường hợp ký thay phải có văn bản ủy quyền)

- Đối với việc chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, Bản cáo bạch phải có chữ ký của những người sau đây:

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: [ntblegal@gmail.com](mailto:ntblegal@gmail.com)

Website: <http://ntblegal.vn/>



- + Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty;
- + Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- + Người đại diện theo pháp luật của tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có).

## 2. Khi nào Tòa án hoãn phiên tòa Hình sự?

Mới đây, đã có thông tin về việc hoãn phiên tòa sơ thẩm vụ án “Tịnh Thất Bồng Lai” do vắng mặt nhiều người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Vậy theo quy định của pháp luật thì trường hợp nào Tòa án phải hoãn phiên tòa?



### 1. Các trường hợp phải hoãn phiên tòa

Căn cứ Điều 297 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Tòa án hoãn phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Có một trong những căn cứ quy định tại các điều 52, 53, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294 và 295 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, cụ thể:

- + Thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên;
- + Thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm;
- + Thẩm phán, Hội thẩm không thể tham gia xét xử nhưng không có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết để thay thế hoặc phải thay đổi chủ tọa phiên tòa mà không có Thẩm phán để thay thế theo quy định;
- + Kiểm sát viên bị thay đổi hoặc không thể tiếp tục thực hành quyền công tố, kiểm sát xét

(Trường hợp ký thay phải có văn bản ủy quyền)  
(khoản 3 Điều 19 Luật Chứng khoán 2019)

xử mà không có Kiểm sát viên dự khuyết để thay thế;

+ Bị cáo vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

+ Người bào chữa vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, hoặc người bào chữa được chỉ định vắng mặt, trừ trường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa;

+ Bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ vắng mặt thì tùy trường hợp, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử;

+ Người làm chứng về những vấn đề quan trọng của vụ án vắng mặt thì tùy trường hợp, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử;

+ Người giám định, người định giá tài sản vắng mặt thì tùy trường hợp, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử;

+ Người phiên dịch, người dịch thuật vắng mặt mà không có người khác thay thế.

- Cần phải xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa;

- Cần tiến hành giám định bổ sung, giám định lại;

- Cần định giá tài sản, định giá lại tài sản.

Trường hợp hoãn phiên tòa thì vụ án phải được xét xử lại từ đầu.

### 2. Thời hạn hoãn phiên tòa

Theo khoản 2 Điều 297 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, thời hạn hoãn phiên tòa sơ thẩm

không được quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa.

Lưu ý:

- Quyết định hoãn phiên tòa phải được chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ký tên.

Trường hợp chủ tọa phiên tòa vắng mặt hoặc bị thay đổi thì Chánh án Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa.

### 3. Tín dụng đen là gì? Người hoạt động tín dụng đen bị xử lý thế nào?

Hiện nay, có nhiều trường hợp người dân bị lừa đảo với các tổ chức tín dụng đen, dẫn đến nợ nần, phá sản. Vậy tín dụng đen là gì? Người hoạt động tín dụng đen bị xử lý thế nào?

#### 1. Tín dụng đen là gì?

Theo khoản 13 Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định 03 loại nghiệp vụ của hoạt động ngân hàng bao gồm: nhận tiền gửi; cấp tín dụng; cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

Khoản 14 Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.

Tuy nhiên, hiện nay, không có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể thế nào là tín dụng đen. Trên thực tế, tín dụng đen có thể hiểu là một hình thức cho vay tín dụng với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật từ các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động cho vay tiền nhưng không đăng ký kinh doanh và không được sự cấp phép của nhà nước (còn gọi là cho vay nặng lãi).

#### 2. Lãi suất cho vay hợp pháp là bao nhiêu?

- Quyết định hoãn phiên tòa phải được thông báo ngay cho những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người vắng mặt tại phiên tòa trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định.



Hiện nay, các tổ chức, cá nhân cho vay áp dụng nhiều mức lãi suất cho vay khác nhau. Mức lãi suất cho vay trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể:

- Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

+ Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

- Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định nêu trên tại thời điểm trả nợ.

Đồng thời Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 cũng quy định về lãi suất cho vay như sau:

- Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyền quy định cơ chế xác định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Như vậy, trong giao dịch dân sự, mức lãi suất cao nhất được quy định là 20%/năm. Tuy nhiên, trong quan hệ cho vay giữa các tổ chức tín dụng và khách hàng thì lãi suất giữa các bên là thỏa thuận, trừ trường hợp theo khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN, theo đó:

Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN.

### 3. Mức phạt tội cho vay nặng lãi

Theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi 2017), người phạm tội cho vay nặng lãi bị xử lý như sau:

- Cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm

## 4. Quyền sử dụng đất có được dùng để góp vốn vào doanh nghiệp?

Vốn là yêu cầu bắt buộc phải có khi muốn thành lập doanh nghiệp. Vậy trường hợp một người không có tiền thì có thể góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thành lập doanh nghiệp không?



### 1. Vốn góp để thành lập doanh nghiệp là gì?

Theo khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 giải thích thuật ngữ góp vốn.

Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.

Theo Điều 34 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về tài sản góp vốn như sau:

Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.



Lưu ý: Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Doanh nghiệp 2020 mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật.

## **2. Quy định chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn là quyền sử dụng đất**

Theo Điều 35 Luật Doanh nghiệp 2020

Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:

- Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty theo quy định của pháp luật. Việc chuyển quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng đất đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ.

- Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản, trừ trường hợp được thực hiện thông qua tài khoản.

## **3. Định giá quyền sử dụng đất bằng hình thức góp vốn**

Theo Điều 36 Luật Doanh nghiệp 2020 về định giá tài sản góp vốn như sau:

- Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.

- Tài sản vốn góp khi thành lập doanh nghiệp.

+ Phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc đồng thuận hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị

tài sản góp vốn phải được trên 50% số thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

+ Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

- Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động

+ Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá.

+ Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và chủ sở hữu, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

+ Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá.

+ Giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

Như vậy, một người hoàn toàn có thể dùng quyền sử dụng đất của mình để góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định kể trên.



## 5. Hành vi hiếp dâm của hai nghệ sĩ người Việt có thể bị xử lý như thế nào?

Mới đây, truyền thông trong nước và quốc tế xôn xao vụ việc 2 nghệ sĩ người Việt Nam bao gồm một diễn viên và một nhạc sĩ bị cáo buộc hành vi hiếp dâm cô gái 17 tuổi người Anh tại Tây Ba Nha.

Phóng viên VTC Now đã có cuộc trao đổi vụ việc này với luật sư Lại Xuân Cường, đang công tác tại Công ty Luật NTB Legal (Đoàn luật sư TP.Hà Nội).

### 1. Quy trình điều tra và giải quyết vụ việc nếu hai nghệ sĩ người Việt Nam có hành vi đúng như lời tố

Chia sẻ vấn đề này, Luật sư Lại Xuân Cường cho biết, đến thời điểm hiện tại, đây vẫn chỉ là thông tin ban đầu. Do đó, cần phải có kết luận cụ thể, chính xác từ các cơ quan chức năng của nước sở tại. Tuy nhiên, hành vi này không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật mà còn là hành vi đáng lên án về mặt đạo đức, làm xấu hình ảnh quốc gia. Nhất là khi người vi phạm là nghệ sĩ, có sức ảnh hưởng đối với nhiều người, đặc biệt là giới trẻ.

Về trình tự thủ tục xử lý, trước hết cảnh sát tại Mallorca, Tây Ba Nha sẽ điều tra để xác minh liệu có đúng đã xảy ra hành vi phạm tội của hai nghệ sĩ này hay không. Nếu có, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Tây Ba Nha sẽ xử lý theo quy định pháp luật Hình sự của quốc gia này. Tại Điều 179 Bộ luật Hình sự của Tây Ba Nha có quy định, tội hiếp dâm có thể bị hưởng án phạt cao nhất lên tới 15 năm tù. Tuy nhiên, trong trường hợp này, vì người phạm tội là người nước ngoài nên ta cần phải xem xét thêm các quy định trong Hiệp định về tương trợ tư pháp giữa Tây Ba Nha và Việt Nam. Do đó, hai nghệ sĩ nói trên có thể được dẫn độ về Việt Nam để điều tra thêm và xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.



### 2. Nếu hai nghệ sĩ Việt được dẫn độ về Việt Nam để xử lý, thì diễn biến tiếp theo của vụ việc sẽ như thế nào?

Theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, “Công dân Việt Nam hoặc pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà Bộ luật này quy định là tội phạm, thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật này”. Do đó, nếu các nghệ sĩ được dẫn độ về nước để xử lý theo quy định pháp luật của Việt Nam thì có thể căn cứ vào điều 141 BLHS 2015 quy định: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc bằng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”. Đối với một số trường hợp cụ thể, có thể bị phạt tù từ 12 năm tới 20 năm, hoặc tù chung thân. Đặc biệt, BLHS năm 2015 đã có sửa đổi bổ sung tại khoản 4 của điều này: “Phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm”. Như vậy, trong trường hợp này, nếu các nghệ sĩ được dẫn độ về để xét xử tại Việt Nam thì có thể khung hình phạt đối với họ sẽ nhẹ hơn so với khung hình phạt theo quy định pháp luật tại Tây Ba Nha.

## 6. Bảo lãnh người khác vay vốn thì có phải trả nợ thay không?

Khi người vay ngân hàng không còn khả năng trả nợ, nếu có người bảo lãnh, ngân hàng sẽ yêu cầu người bảo lãnh thực hiện các nghĩa vụ bảo lãnh. Vậy trong trường hợp này, người bảo lãnh có phải trả nợ thay cho người vay không?



### 1. Bảo lãnh là gì?

- Theo Điều 292 Bộ luật Dân sự 2015 thì bảo lãnh là một trong những biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

- Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

- Phạm vi bảo lãnh:

+ Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh.

+ Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

+ Các bên có thể thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

+ Trường hợp nghĩa vụ được bảo lãnh là nghĩa vụ phát sinh trong tương lai thì phạm vi

bảo lãnh không bao gồm nghĩa vụ phát sinh sau khi người bảo lãnh chết hoặc pháp nhân bảo lãnh chấm dứt tồn tại.

(Theo khoản 1 Điều 335 và Điều 336 Bộ luật Dân sự 2015)

### 2. Bảo lãnh người khác vay vốn có phải trả nợ thay không?

- Theo Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh như sau:

+ Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.

+ Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại.

- Theo khoản 2 Điều 335 Bộ luật Dân sự 2015 thì các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Từ các quy định trên, bên bảo lãnh sẽ có nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh nếu thuộc các trường hợp sau:

- Trường hợp có thỏa thuận về việc bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ.

- Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

\* Theo khoản 2 Điều 21 Thông tư 07/2015/TT-NHNN về thời hạn thực hiện bảo lãnh như sau:

Chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ ngày bên bảo lãnh nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư 07/2015/TT-NHNN thì:

- Bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết đối với bên nhận bảo lãnh, đồng thời hạch toán ghi nợ vào tài khoản cho vay bắt buộc số tiền đã trả thay cho bên được bảo lãnh và thông báo cho bên được bảo lãnh biết.

- Bên được bảo lãnh có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ số tiền bên bảo lãnh đã trả thay và số tiền lãi theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư 07/2015/TT-NHNN.

### 3. Khi nào người bảo lãnh được miễn hoặc chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh?

#### 3.1. Miễn việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Bên bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên được bảo lãnh nếu thuộc các trường hợp được miễn việc thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Trường hợp bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà bên nhận bảo lãnh miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho bên bảo lãnh thì bên được bảo lãnh không phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

- Trường hợp chỉ một trong số nhiều người cùng bảo lãnh liên đới được miễn việc thực hiện phần nghĩa vụ bảo lãnh của mình thì những

người khác vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của họ.

- Trường hợp một trong số những người nhận bảo lãnh liên đới miễn cho bên bảo lãnh không phải thực hiện phần nghĩa vụ đối với mình thì bên bảo lãnh vẫn phải thực hiện phần nghĩa vụ còn lại đối với những người nhận bảo lãnh liên đới còn lại.

(Theo Điều 341 Bộ luật Dân sự 2015)

#### 3.2. Chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh

Nghĩa vụ bảo lãnh của người bảo lãnh chấm dứt trong trường hợp như sau:

- Nghĩa vụ được bảo lãnh chấm dứt.  
- Việc bảo lãnh được hủy bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

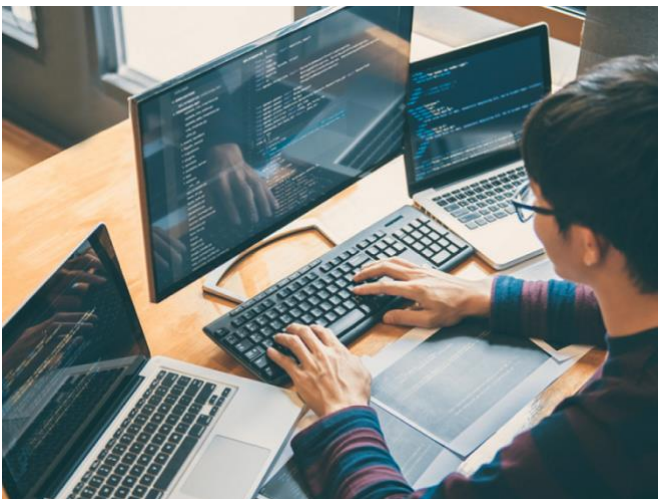
- Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- Theo thỏa thuận của các bên.

(Theo Điều 343 Bộ luật Dân sự 2015)

Như vậy, người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho người được bảo lãnh khi các bên có sự thỏa thuận từ trước hoặc bên được bảo lãnh không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

## 7. Làm việc tại nhiều công ty thì đóng BHXH, BHTN, BHYT thế nào?



Hiện nay, pháp luật không cấm người lao động cùng lúc làm việc tại nhiều công ty nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết. Vậy trường hợp làm việc tại nhiều công ty thì người lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT thế nào?

### 1. Làm việc tại nhiều công ty thì đóng BHXH ở đâu?

- Đối với quỹ hưu trí, tử tuất:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, người lao động mà giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì chỉ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu



trí, tử tuất đối với hợp đồng lao động giao kết đầu tiên.

- Đối với quỹ bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, trường hợp người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo từng hợp đồng lao động đã giao kết nếu người lao động thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

## **2. Làm việc tại nhiều công ty thì đóng bảo hiểm thất nghiệp ở đâu?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm 2013, trong trường hợp người lao động giao kết và đang thực hiện nhiều hợp đồng lao động thì người lao động và người sử dụng lao động của hợp đồng lao động giao kết đầu tiên có trách nhiệm tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

## **3. Làm việc tại nhiều công ty thì đóng bảo hiểm y tế ở đâu?**

Theo khoản 2 Điều 13 Luật Bảo hiểm y tế 2008 (được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 1 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi 2014), trường hợp đối tượng tham gia bảo hiểm y tế có thêm một hoặc nhiều hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên thì đóng bảo hiểm y tế theo hợp đồng lao động có mức tiền lương cao nhất.

Như vậy, nếu người lao động làm việc cùng lúc tại nhiều công ty thì đóng bảo hiểm như sau:

- Bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất): đóng tại công ty ký hợp đồng lao động đầu tiên;
- Bảo hiểm xã hội (quỹ bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp): đóng ở tất cả các công ty đã ký hợp đồng lao động (tuy nhiên người lao động không cần phải đóng vào quỹ này mà người sử dụng lao động sẽ đóng);
- Bảo hiểm thất nghiệp: đóng tại công ty ký hợp đồng lao động đầu tiên;
- Bảo hiểm y tế: đóng tại công ty ký hợp đồng lao động có mức tiền lương cao nhất.



**THỦ TỤC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH**

Một số trường hợp do chi nhánh làm việc kém hiệu quả hoặc khó quản lý dẫn đến doanh nghiệp thực hiện việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh. Vậy thủ tục chấm dứt chi nhánh được thực hiện thế nào?

**1. Chi nhánh là gì?**

Theo khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định như sau:

Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

**2. Quy định về chấm dứt hoạt động chi nhánh**

- Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp được chấm dứt hoạt động theo quyết định của chính doanh nghiệp đó hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Doanh nghiệp có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.

(Theo Điều 213 Luật Doanh nghiệp 2020)

**3. Thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh**

Theo Điều 72 Nghị định 01/2021/NĐ-CP quy định về thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh như sau:

- Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh thì doanh nghiệp, chi nhánh phải đăng ký với Cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh thì doanh nghiệp gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh.

Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần;

Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh thì Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc chi nhánh chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh đến Phòng đăng ký kinh doanh.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh thì Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt hoạt động của chi nhánh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh.

- Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, doanh

nh nghiệp gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp ở nước ngoài đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Như vậy, khi doanh nghiệp muốn chấm dứt hoạt động của chi nhánh cần phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và thực hiện theo trình tự thủ tục mà pháp luật quy định.

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 7/2022

Lĩnh vực	STT	Nội dung	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Cơ quan ban hành
Doanh nghiệp		Thông tư 27/2022/TT-BTC bãi bỏ Quyết định 59/2007/QĐ-BTC phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	11/05/2022	01/07/2022	Bộ Tài chính
Thương mại		Thông tư 2/2022/TT-BTTTT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	16/05/2022	01/07/2022	Bộ Thông tin và Truyền thông
		Thông tư 51/2020/TT-BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn hàm lượng chì trong sơn do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	21/12/2020	01/07/2022	Bộ Công thương
		Thông tư 45/2020/TT-BCT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàm lượng thủy ngân trong đèn huỳnh quang do Bộ Công thương ban hành	21/12/2020	01/07/2022	Bộ Công thương
		Quyết định 568/QĐ-TCT năm 2022 về Quy trình Quản lý tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá sản xuất để tiêu thụ trong nước do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành	25/04/2022	01/07/2022	Tổng cục Thuế
		Nghị định 33/2022/NĐ-CP hướng dẫn Pháp lệnh Quản lý thị trường	27/05/2022	15/07/2022	Chính phủ
		Nghị định 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế	28/05/2022	15/07/2022	Chính phủ
		Thông tư 10/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	01/06/2022	16/07/2022	Bộ Công thương

<b>Xuất nhập khẩu</b>		Thông tư 10/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	01/06/2022	16/07/2022	Bộ Công thương
<b>Thuế, phí, lệ phí</b>		Thông tư 111/2021/TT-BTC hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế nội địa do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	14/12/2021	01/07/2022	Bộ Tài chính
		Thông tư 78/2021/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế, Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	17/09/2021	01/07/2022	Bộ Tài chính
		Thông tư 25/2022/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	28/04/2022	01/07/2022	Bộ Tài chính
		Quyết định 568/QĐ-TCT năm 2022 về Quy trình Quản lý tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá sản xuất để tiêu thụ trong nước do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành	25/04/2022	01/07/2022	Tổng cục thuế
		Thông tư 29/2022/TT-BTC quy định về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	03/06/2022	18/07/2022	Bộ Tài chính
<b>Chứng khoán</b>	6	Thông tư 25/2022/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	28/04/2022	01/07/2022	Bộ Tài chính
<b>Bảo hiểm</b>	7	Nghị định 20/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 119/2015/NĐ-CP quy	10/03/2022	01/07/2022	Chính phủ



		định về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng			
<b>Lao động – Tiền lương</b>	8	Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	12/06/2022	01/07/2022	Chính phủ
	9	Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	25/05/2022	11/07/2022	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	10	Thông tư 29/2022/TT-BTC quy định về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	03/06/2022	18/07/2022	Bộ Tài chính
<b>Bộ máy hành chính</b>	11	Thông tư 28/2022/TT-BTC bãi bỏ Thông tư liên tịch 129/2014/TTLT-BTC-BNV quy định về việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án “Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam” do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	17/05/2022	10/07/2022	Bộ Tài chính
	12	Thông tư 07/2022/TT-BKHCN quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước về tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính	31/05/2022	15/07/2022	Bộ Khoa học và Công nghệ

		nhà nước do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành			
	13	Quyết định 748/QĐ-BGTVT năm 2022 công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải	14/06/2022	15/07/2022	Bộ Giao thông vận tải
	14	Nghị định 33/2022/NĐ-CP hướng dẫn Pháp lệnh Quản lý thị trường	27/05/2022	15/07/2022	Chính phủ
	15	Thông tư 29/2022/TT-BTC quy định về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	03/06/2022	18/07/2022	Bộ Tài chính
	16	Nghị quyết 47/2022/QH15 về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2023	06/06/2022	21/07/2022	Quốc hội
	17	Nghị định 37/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam	06/06/2022	22/07/2022	Chính phủ
<b>Dịch vụ pháp lý</b>	21	Thông tư 01/2022/TT-BVHTTDL sửa đổi Thông tư 07/2014/TT-BVHTTDL quy định hồ sơ, các mẫu văn bản thực hiện giám định tư pháp; áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của văn phòng giám định tư pháp về di vật, cổ vật, quyền tác giả, quyền liên quan do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	31/05/2022	20/07/2022	Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch
<b>Vi phạm hành chính</b>	22	Nghị định 37/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định quy định xử phạt vi	06/06/2022	22/07/2022	Chính phủ

		phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam			
<b>Tài chính nhà nước</b>	23	Thông tư 27/2022/TT-BTC bãi bỏ Quyết định 59/2007/QĐ-BTC phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	11/05/2022	01/07/2022	Bộ Tài chính
	24	Thông tư 28/2022/TT-BTC bãi bỏ Thông tư liên tịch 129/2014/TTLT-BTC-BNV quy định về việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án “Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam” do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	17/05/2022	10/07/2022	Bộ Tài chính
	25	Thông tư 06/2022/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 36/2015/TT-BGTVT về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	27/05/2022	15/07/2022	Bộ Giao thông vận tải
		Thông tư 30/2022/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	03/06/2022	20/07/2022	Bộ Tài chính
		Thông tư 35/2022/TT-BTC quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là tài sản cố định do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	16/06/2022	30/07/2022	Bộ Tài chính

<b>Văn hoá – Xã hội</b>	Thông tư 2/2022/TT-BTTTT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	16/05/2022	01/07/2022	Bộ Thông tin và Truyền thông
	Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	25/05/2022	11/07/2022	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	Thông tư 06/2022/TT-BKHCN về định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	31/05/2022	15/07/2022	Bộ Khoa học và Công nghệ
	Thông tư 10/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	31/05/2022	15/07/2022	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội